

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/ HS-ST
Ngày: 18/9/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nhỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Hoá - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 177/2024/TLST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195 /2024/QĐXXST-HS ngày 05/9/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/8/1986; tại Gia Lai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1960 và bà: Trương Thị L1, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án số 80/HSPT ngày 21/11/2017, của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009); chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Ngày 29/12/2017, chấp hành xong hình phạt tù. Lần bị kết án này, bị cáo đã được xoá án tích.

- Tại Bản án số 27/HSST ngày 12/7/2023, của Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 09 năm 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) và 03 năm 06 tháng tù về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt, buộc Nguyễn Văn L chấp hành hình phạt chung là 13 năm tù; chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Phú Yên.

Bị cáo Nguyễn Văn L đang chấp hành Bản án số 27/HSST ngày 12/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai. Ngày 20/5/2024, bị trích xuất về tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1 đường C tháng tám, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Đặng An B, sinh năm: 1963. Địa chỉ: B L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L làm nghề môi giới bất động sản nên thường xuyên đăng thông tin cá nhân lên mạng xã hội Facebook với nội dung nhận, ký gửi, mua bán đất giúp người khác để nhận phần trăm hoa hồng. Vào khoảng đầu tháng 02/2020, có tài khoản Facebook (không rõ tên tài khoản) nhắn tin cho L và chụp hình mặt trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin lô đất tại địa chỉ làng P, phường H, thành phố P, gửi qua Facebook và nhờ L bán giúp lô đất này, L đồng ý. Khoảng 01 tuần sau, L vẫn chưa bán được lô đất trên nên người có tài khoản Facebook trên hẹn L đến quán cà phê (không nhớ rõ địa chỉ) ở thành phố P để nói chuyện bán đất, L đồng ý. Khi đến quán cà phê, L gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L, cấp cho thửa đất số 163, tờ bản đồ số 19, diện tích 236,5m² tại làng P, phường H, thành phố P. Thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà người thanh niên vừa đưa đứng tên mình nên L hỏi tại sao Giấy chứng nhận lại đứng tên L thì người thanh niên này nói Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả và nhờ L đăng lên mạng xã hội, bán được sẽ chia phần trăm hoa hồng cao cho L, L đồng ý.

Ngày 04/3/2020, thông qua các mối quan hệ xã hội, L biết bà **Đặng Thị Thanh T1** (sinh năm 1981, trú tại số nhà A đường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) làm nghề kinh doanh bất động sản nên L có liên hệ với bà T1 để bán lô đất này và hẹn bà đến vị trí lô đất để xem đất. Sau đó, L dẫn bà T1 đến khu vực làng P, phường H, thành phố P, chỉ đất cho bà T1 xem và cam kết lô đất trên chính chủ, đứng tên L, không tranh chấp với ai bán với giá tiền 100.000.000 đồng nên bà T1 đồng ý mua. Ngày 05/3/2020, L cùng bà T1 đến Văn phòng C ở số B đường L, phường T, thành phố P, ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L với giá 100.000.00 đồng cho bà T1 và đã được ông Đặng An B là Công chứng viên phòng C1 chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; L đã giao cho bà T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 05/5/2020, bà T1 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P nộp hồ sơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L đề chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà T1. Qua kiểm tra hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên đứng tên ông Huỳnh Kim T2 (sinh năm 1979, trú tại Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 229901 đứng tên Nguyễn Văn L có dấu hiệu làm giả, nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra, xử lý.

Đối với Nguyễn Văn L: Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Đặng Thị Thanh T1, L bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 15/11/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai bắt theo Quyết định truy nã. Đến ngày 22/7/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt án tù giam; chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Phú Yên.

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 458/KLGĐ ngày 15/6/2020 của phòng K, Công an tỉnh G, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L là giả.

Tại bản Kết luận giám định số 390/KLGĐ ngày 12/4/2024 của phòng K, Công an tỉnh G, kết luận:

- Chữ viết họ tên “Nguyễn Văn L” dưới mục “bên A” trên mẫu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Văn L trên các mẫu so sánh là **do cùng một người viết ra.**

- **Không đủ cơ sở kết luận** chữ ký họ tên “Nguyễn Văn L” dưới mục “bên A” trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Văn L trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra không.

- Chữ ký, chữ viết họ tên “Đặng Thị Thanh T1” dưới mục “bên B” trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Thanh T1 trên các mẫu so sánh là **do cùng một người viết ra.**

Tại bản cáo trạng số: 192/CT-VKS, ngày 26/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã truy tố bị cáo: Nguyễn Văn L ra trước Tòa án nhân dân thành phố PleiKu để xét xử về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo qui định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06(sáu) tháng tù, về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 56 BLHS đề nghị tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành chung cho Bản án 27/HSST ngày 12/7/2023, của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 09 năm 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) và 03 năm 06 tháng tù về tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) đã tổng hợp bị cáo Nguyễn Văn L chấp hành hình phạt chung là 13 năm tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành chung của hai bản án là: 14 năm đến 14 năm 6 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/11/2022.

Bị cáo L không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo. Vật chứng chuyển theo vụ án đề nghị xử lý giải quyết theo qui định pháp luật. Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn L đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Nguyễn Văn L làm nghề môi giới bất động sản nên thường xuyên đăng thông tin cá nhân lên mạng xã hội Facebook với nội dung nhận, ký gửi, mua bán đất giúp người khác để nhận phần trăm hoa hồng. Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L và bị cáo L biết đó là giấy chứng nhận giả nhưng vẫn nhận lời bán để được hưởng phần trăm hoa hồng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng lô đất theo giấy chứng nhận trên cho bà Đặng Thị Thanh T1 với giá 100.000.000 đồng tại Văn phòng C chứng thực, trong quá trình nộp hồ sơ để sang tên bà T1 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P thì vụ việc bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm vào tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 341. Tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

Để có một mức án phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo L không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo L có nhân thân xấu. Khi trở về với cuộc sống cộng đồng, bản thân bị cáo không tu chí làm ăn lương thiện, bị cáo lại tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018 là tài liệu giả rồi chuyển nhượng cho người khác để hưởng lợi, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Cần phải nghiêm khắc xử lý cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

[3]. Bị cáo L không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Việc bà Đặng Thị Thanh T1 khai đã giao cho bị cáo L 100.000.000 đồng, nhưng bị cáo L không thừa nhận. Hiện chỉ có lời khai của bà T1, bà T1 không có chứng nào khác chứng minh việc bị cáo L đã nhận của bà T1 100.000.000 đồng nên chưa có đủ căn cứ khởi tố đối với Nguyễn Văn L về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có đủ căn cứ thì xem xét xử lý sau.

[5]. Đối với ông Đặng An B là Công chứng viên Văn phòng C (tại số B đường L, phường T, thành phố P) đã chứng thực, xác nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 05/3/2020 giữa Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị Thanh T1. Tuy nhiên, khi chứng thực

ông B không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018 là giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét, xử lý đối với ông B, là có căn cứ.

[6] Vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra và trách nhiệm dân sự:

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN229901, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 24/10/2018, đứng tên Nguyễn Văn L là tài liệu giả nên Cơ quan điều tra lưu trong hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Đặng Thị Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không đề cập tại phần quyết định.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01(một) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt đã tổng hợp tại Bản án số 27/2023/HSST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, hình phạt là 1 (Một ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành chung của hai Bản án là: 14 (mười bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2022 bắt tạm giữ và tạm giam, theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 59/2023/QĐ-CA ngày 14/8/2023 do Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai ký ban hành.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (18/9/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS TP PleiKu;
- Công an TP PleiKu;
- Chi cục THA D.S TP Pleiku;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS/HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngà

